

Name: _____

Date: ... / ... / 20...

Class: S2

Tel: 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2: Good neighbours - Vocabulary 2

A. Vocabulary.

 boots (n): đôi boots	 jacket (n): áo khoác	 helmet (n): mũ bảo hiểm	 mask (n): mặt nạ, mặt nạ phòng độc
 gloves (n): găng tay	 apartment building (n): chung cư	 Hanoi capital (n): thủ đô	 continent (n): lục địa

**Note: n (noun): danh từ*

**Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.*

B. Homework.

I. Unscramble the letters (Sắp xếp lại thứ tự các chữ)

0. A T C

=> CAT

1. P A C I T A L

=> _____

2. L G O V E S

=> _____

3. H L E M T E

=> _____

4. J A C E T K

=> _____

5. M S K A

=> _____

II. Tick (✓) in the correct box and cross (✗) in the wrong box. (Đánh dấu ✓ vào ô đúng và dấu ✗ vào ô sai.)

0. CRAYON



3. CAPITAL



1. CONTINENT



4. BOOTS



2. HELMET



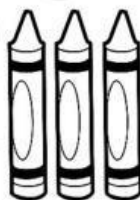
5. MASK



III. Circle the correct answer (Khoanh tròn đáp án đúng)

0. crayon

A.



B.



1. gloves

A.



B.



2. apartment building

A.



B.



3. boots

A.



B.



4. mask

A.



B.



Con nghe bài theo link sau:

https://drive.google.com/file/d/1p_rBxUiEUxyMezMbvYLxqWxxCoNdFhpy/view?usp=sharing

Link dự phòng: <https://www.youtube.com/watch?v=aPuV1IUCYqE> (4:20 – 8:20)

Listening

Part 2

- 5 questions -

Listen and write. There is one example.



AT THE DOCTOR'S

Girl's name: Ann Moon

1 Doctor's name:

2 Problem with:

3 Breakfast: lemon

4 Anna's age:

5 She lives in: Street

I. Add the missing letters (Con điền chữ cái còn thiếu)

0. BOY



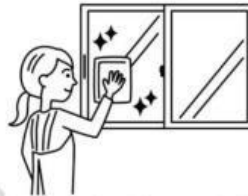
1. NU SE



2. R P RTER



3. W ND W CL ANE



4. B S DR V R



5. P LICE OFFI ER



II. Circle the correct answer (Khoanh tròn câu trả lời đúng)

0. Her house (is / are) pink and white.

1. They (am / are) my mom and dad.

2. Da Nang (is / are) a city in Viet Nam.

3. I (am/ are) her sister.

4. He (am / is) from Can Tho city.

5. They (am / are) friends.

